

Số: 201 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 13 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
của Trường Đại học Hạ Long

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 628/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2023-2028;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Hạ Long, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XIV ngày 13/4/2023 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 21 đến ngày 24 tháng 02 năm 2023 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Hạ Long của Đoàn đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ mức 4,0 điểm

trở lên là 45 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

3. Kiến nghị Trường Đại học Hạ Long tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Hạ Long theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Hạ Long được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Trần Đình Quang

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số 204/NQ-HĐKĐCLV ngày 13/04/2023 của Hội đồng Kiểm định
chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			
Tiêu chuẩn 1	4.00	4.00	3	100	Tiêu chuẩn 7	4.20	4.20	5	100			
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	5						
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2	4.00	4.00	3	100	Tiêu chí 7.4	4				4.40	5	100
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4						
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8	4.40						
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	5						
Tiêu chuẩn 3	3.67	3.67	2	67	Tiêu chí 8.2	4	4.40	5	100			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5						
Tiêu chuẩn 4	4.00	4.00	3	100	Tiêu chuẩn 9	4.20				4.20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4						
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4						
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4						
Tiêu chuẩn 5	3.80	3.80	4	80	Tiêu chí 9.4	4	3.83	5	83			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	5						
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10	3.83						
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4						
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4						
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4						
Tiêu chuẩn 6	3.86	3.86	6	86	Tiêu chí 10.4	4	4.00	4	80			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	3						
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11	4.00						
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4						
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	5						
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4						
Tiêu chí 6.7	3				Tiêu chí 11.4	3						
					Tiêu chí 11.5	4						
Mức trung bình				Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)					
4.00				45			90					

Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 201/NQ-HĐKĐCLV ngày 13/4/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Hạ Long, giai đoạn 2017-2022, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng của Trường và phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra bao gồm nội dung liên quan đến kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Bản mô tả CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật. Chương trình dạy học được rà soát và điều chỉnh dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy và học hướng đến việc thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Tổ hợp phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Năng lực giảng viên được xác định theo từng vị trí, chức danh, được giám sát, đánh giá và làm căn cứ để xét thi đua-khen thưởng. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên được tiến hành bài bản, hiệu quả. Công tác giám sát sự tiến bộ học tập, rèn luyện, cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm cho người học đạt hiệu quả. Hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành, trang thiết bị được đầu tư xây dựng, bảo dưỡng định kỳ và bổ sung thường xuyên. Các quy trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT được rà soát, điều chỉnh theo kế hoạch. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ được cải tiến sau mỗi đợt đánh giá. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, cập nhật hằng năm, được đánh giá, phân tích, giám sát, đối sánh; tỷ lệ tốt nghiệp đúng và trước hạn của sinh viên các khóa tương đối cao.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm khuyến nghị đề xuất sau đây:

(i) Rà soát, bổ sung nội dung Mục tiêu của CTĐT để đáp ứng đúng yêu cầu của Thông tư 17/TT-BGDĐT; rà soát nội hàm chuẩn đầu ra theo thang Bloom, xác định mức độ chỉ báo chuẩn đầu ra phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ 4.0.

(ii) Đối sánh có chiều sâu nội hàm chuẩn đầu ra, khung CTĐT với CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước để CTĐT bắt kịp với xu hướng dạy-học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc.

(iii) Rà soát mức độ tương thích của từng học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, đồng thời xây dựng chiến lược dạy học, phương pháp dạy học phù hợp.

(iv) Tăng cường đổi mới phương pháp học tập của người học giúp người học đạt kết quả tốt nhất trong học tập và định hướng nghề nghiệp.

(v) Đa dạng các loại hình đánh giá trực tiếp năng lực ngôn ngữ; thiết kế loại hình rubric đánh giá bài tập nghiên cứu tình huống để đánh giá chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học; tổ chức các khoá tập huấn về phân tích đánh giá phổ điểm, độ tin cậy và độ giá trị của đề thi.

(vi) Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên có học hàm học vị đáp ứng quy định tại Thông tư 02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường hợp tác nhằm tăng số lượng/chất lượng các loại hình nghiên cứu khoa học.

(vii) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng riêng cho đội ngũ nhân viên, định kì đánh giá tính hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng.

(viii) Xây dựng chiến lược truyền thông đa dạng, tăng cường công tác truyền thông tuyển sinh thông qua cựu người học, cựu người học thành đạt.

(ix) Nâng cấp phần mềm quản lý thư viện để sử dụng theo dõi bạn đọc; nâng cấp một số máy tính tại phòng thực hành máy và bổ sung trang bị phòng dịch cabin, vali dịch đi động phục vụ đào tạo cho các ngành Ngôn ngữ.

(x) Xây dựng hệ thống thông tin để lưu trữ các dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT làm cơ sở để cập nhật CTĐT, chương trình dạy học; quy định/hướng dẫn về đánh giá quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT.

(xi) Nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp làm cơ sở cho các giải pháp hiệu quả giảm tỉ lệ sinh viên thôi học. Nâng cao tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, tổ chức các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở do sinh viên chủ trì. Nâng cấp Bộ tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp sát hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT.

* * *

Trên đây là những nhóm khuyến nghị tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh theo quy định./.